

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Hội Thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Phương.

Ông Nguyễn Văn Kỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: 385 Deokgeum-ro, Maengdong-myeon, Eumseong-gun, Chungceongbuk-do, Hàn Quốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Anh Phạm Tiến Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: Số 2, ngõ 43 Doãn Kế Thiện, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố LT, phường ĐX, thị xã QV, tỉnh Bắc Ninh; nơi ở hiện nay: Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Đoàn Thị H, sau này do anh Phạm Tiến Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành C kết hôn trên cơ sở tự

nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2012. Thời gian đầu kết hôn, chị H và anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Tuy nhiên, trong quá trình sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, vợ chồng anh chị bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Đến nay mâu thuẫn ngày càng thường xuyên và trầm trọng hơn, không có cách giải quyết. Mặc dù, chị H và anh C đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng. Chị H đã nhiều lần đề nghị anh C tiến hành thủ tục ly hôn nhưng anh C không đồng ý, nhiều lần trốn tránh và cố tình gây khó khăn trong quá trình làm thủ tục. Nay chị H nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh C.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh Nguyễn Thành C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Phụng, sinh ngày 05/11/2013. Do vợ chồng anh chị đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc, không tiện chăm sóc cháu nên hiện tại cháu Phụng đang sống cùng với ông bà ngoại tại phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cháu Phụng cho chị nuôi dưỡng. Trong thời gian chị H không ở Việt Nam thì tạm thời giao cho ông bà ngoại cháu chăm sóc, giáo dục để thuận tiện cho C việc học hành, sinh hoạt của cháu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H và anh Nguyễn Thành C sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Thành C sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về C nợ: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có C nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí, chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc nên Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị Hiền là mẹ đẻ của anh C, bà Hiền nhất trí nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho anh C được biết. Tại buổi hòa giải ngày 20/12/2023, bà Hiền có mặt trình bày: Bà đã thông báo cho anh C biết về việc chị H làm thủ tục xin ly hôn tại Tòa án và anh C cũng nhất trí việc ly hôn với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thành C. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh Phương, sinh ngày 05/11/2013 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng không đặt ra giải quyết. Về C nợ: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2023, chị Đoàn Thị H đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn xin ly hôn của chị Đoàn Thị H, anh Nguyễn Thành C có hộ khẩu thường trú tại khu phố Liễn Thượng, phường Đại Xuân, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; tại thời điểm thụ lý vụ án anh Nguyễn Thành C và chị Đoàn Thị H đều đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về thời gian xuất nhập cảnh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bắc Ninh và Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an được biết, anh Nguyễn Thành C đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 04/3/2008 và chị Đoàn Thị H đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 20/9/2018 đều qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Do anh Nguyễn Thành C đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị Hiền là mẹ đẻ của anh C về việc cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C tại

Hàn Quốc nhưng bà Hiền không cung cấp được cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C thông qua bà Hiền và bà Hiền cam kết thông báo lại cho anh C nội dung các văn bản tố tụng. Anh C biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án và có ý kiến đồng ý ly hôn. Do vậy, cần xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Thành C kết hôn ngày 08/11/2012, tại thời điểm kết hôn chị H và anh C đều đủ tuổi, đủ năng lực, đủ điều kiện kết hôn theo luật định và được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2012. Do đó, mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Phụng. Sau đó, trong quá trình sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, vợ chồng anh chị bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Đến nay mâu thuẫn ngày càng thường xuyên và trầm trọng hơn, không có cách nào giải quyết. Mặc dù, chị H và anh C đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, mâu thuẫn trầm trọng đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng.

Do không lấy được lời khai của anh C, nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hiền là mẹ đẻ của anh C thì bà đã thông báo cho anh C biết về việc chị H làm thủ tục xin ly hôn tại Tòa án và anh C cũng nhất trí việc ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thành C.

[2.2]. Về con chung: Chị H trình bày, vợ chồng chị có một con chung là cháu Nguyễn Thanh Phụng, sinh ngày 05/11/2013. Do vợ chồng chị đều đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc, không tiện chăm sóc cháu nên hiện tại cháu Phụng đang sống cùng với ông bà ngoại tại phường Trần Phú, thành phố Bắc

Giang, tỉnh Bắc Giang. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cháu Phụng cho chị nuôi dưỡng. Trong thời gian chị H không ở Việt Nam thì tạm thời giao cho ông bà ngoại cháu chăm sóc, giáo dục để thuận tiện cho C việc học hành, sinh hoạt của cháu. Ông Đoàn Văn Đạo là bố đẻ chị H có văn bản trình bày, ông nhất trí tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Phụng cho đến khi mẹ cháu về Việt Nam. Ngoài ra, bà Hiền là mẹ đẻ của anh C cũng trình bày cháu Phụng sinh sống cùng ông bà ngoại từ nhỏ, hiện nay chị H chưa về Việt Nam nên bà Hiền nhất trí cho cháu Phụng ở với ông bà ngoại.

Hội đồng xét xử nhận thấy, để thuận tiện cho việc học hành, sinh hoạt của cháu Nguyễn Thanh Phụng cần giao cháu Phụng cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị H không ở Việt Nam, tạm thời giao cháu Phụng cho ông ngoại cháu là Đoàn Văn Đạo chăm sóc, giáo dục. Về việc cấp dưỡng cho cháu Phụng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, C nợ chung: Chị H sẽ tự thỏa thuận với anh C về tài sản chung và vợ chồng anh chị không có C nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị H: Cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thành C.

2. Giao cháu Nguyễn Thanh Phụng, sinh ngày 05/11/2013 cho chị Đoàn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thành C được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0000450 ngày 20/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Tính

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Kỹ - Trần Minh Phương

Nguyễn Văn Tính